



HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, DU LỊCH VỚI BẢO TỒN VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

LÂM BÁ NAM

Bảo tồn văn hóa trong phát triển du lịch là một trong những vấn đề có tính chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay. Trong những năm gần đây, việc bảo tồn, khai thác văn hóa đã và đang được sự quan tâm của các nhà quản lý, hoạch định chính sách và nhiều lĩnh vực khoa học. Tuy nhiên, việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn, phát triển văn hóa và khai thác các hoạt động du lịch đang đặt ra nhiều vấn đề cần được nhận diện và lý giải trước yêu cầu phát triển bền vững.

Thực tiễn hoạt động khai thác di sản phục vụ phát triển du lịch những năm gần đây cho thấy, thông qua hoạt động du lịch, sự tác động của cơ chế thị trường và tính tự phát của hoạt động du lịch đã làm cho nhiều thành tố văn hóa tộc người đang bị “biến dạng”, bản sắc văn hóa mất đi diện mạo vốn có. Bài viết này đề cập đến thực trạng hoạt động du lịch trong mối quan hệ với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trước yêu cầu phát triển bền vững vùng các dân tộc thiểu số và gợi mở một số vấn đề đang đặt ra hiện nay.

1. Tác động của các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đến lối sống của các dân tộc thiểu số

Trong nhiều thập kỷ qua, các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch ở vùng các dân tộc thiểu số miền núi đã có nhiều thành tựu đáng lưu ý. Các hoạt động này được thể hiện khá đa dạng trên nhiều khía cạnh. Cụ thể như sau:

- Trước hết là truyền truyền văn hóa mới và hình thành các thiết chế văn hóa hiện đại. Đây là thành tựu không thể phủ nhận. Không ít các văn bản quản lý nhà nước về xây dựng đời sống văn hóa mới, việc cưới, việc tang, hôn nhân gia đình... đã được ban hành, đặc biệt khi Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Để thực hiện điều đó, nhiều hoạt động rầm rộ cũng đã được triển khai.

- Nhận thức về vai trò của văn hóa, văn hóa và phát triển, việc khai thác bảo tồn di sản văn hóa được triển khai có hiệu quả trong nhiều năm qua đã có những thành tựu rất đáng ghi nhận. Nhiều di sản văn hóa đã được sưu tầm, nghiên cứu, phục dựng, trong đó đáng chú ý là các nghiên cứu về công

chiêng Tây Nguyên, kho tàng sử thi Tây Nguyên, di sản văn hóa các tộc người thuộc các nhóm ngôn ngữ Tày - Thái và Hmông - Dao, hệ thống lễ hội cổ truyền (giá trị lịch sử văn hóa và yêu cầu phát triển), văn hóa tộc người... với sự tham gia của nhiều ngành khoa học như Văn hóa học, Nghệ thuật học, Văn hóa dân gian, Dân tộc học... Gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đang chủ trì triển khai chương trình Tây Nguyên III “Khoa học công nghệ phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên”, trong đó có nội dung quan trọng về văn hóa và Đại học Quốc gia Hà Nội đang triển khai chương trình “Nghiên cứu Tây Bắc”, phục vụ phát triển bền vững.

- Khai thác di sản văn hóa, đưa văn hóa thành động lực phát triển, với việc *Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên* được UNESCO công nhận là kiệt tác văn hóa phi vật thể của nhân loại; *Cao nguyên đá Đồng Vãn* được công nhận là công viên địa chất toàn cầu; khai thác các loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian đặc sắc ở nhiều tộc người. Nhiều thiết chế văn hóa được phục dựng, ví như nhà văn hóa cộng đồng, hệ thống các tượng đài lịch sử văn hóa; hệ thống bảo tàng, triển lãm, các cơ sở sản xuất ngành nghề thủ công truyền thống...

- Triển khai việc xây dựng làng, buôn, bản văn hóa, gia đình văn hóa khắp các địa phương trong cả nước với mong muốn đưa các giá trị văn hóa mới vào trong đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của đồng bào.

- Hình thành các chuyên du lịch lịch sử - văn hóa, các điểm du lịch văn hóa, khai thác tối đa các nguồn lợi du lịch. Các hoạt

động du lịch đã mang lại nguồn lợi đáng kể, xét từ góc độ kinh tế cũng như quảng bá hình ảnh văn hóa các dân tộc ở miền núi phía Nam.

- Phát hiện, khai thác, khám phá di sản văn hóa tộc người, ví như việc phát hiện khai quật các di chỉ khảo cổ học Lung Leng, Cát Tiên, nhằm đánh thức các giá trị văn hóa tiềm ẩn trong lòng đất và xây dựng Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam tại Đồng Mô.

- Tổ chức các ngày hội văn hóa quy mô theo vùng hoặc ở các địa phương theo hình thức tổng hợp hoặc theo vấn đề, đối với nhóm dân tộc hoặc từng dân tộc thu hút đông đảo người dân các dân tộc tham gia.

- Tổ chức các năm du lịch quốc gia theo từng chủ đề gắn với từng khu vực và văn hóa dân tộc¹.

¹ Các ngày hội văn hóa có thể được triển khai ở các địa phương căn cứ vào đặc điểm văn hóa và tộc người. Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang triển khai kế hoạch năm du lịch quốc gia năm 2014 với chủ đề “Đại ngàn Tây Nguyên”, “Năm Du lịch Quốc gia 2014 - Tây Nguyên - Đà Lạt” do tỉnh Lâm Đồng đăng cai tổ chức cùng với sự tham gia của các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum) khai mạc vào cuối tháng 12/2013 và diễn ra trong suốt cả năm 2014, bao gồm 45 sự kiện, tiêu biểu như: Liên hoan nghệ thuật thổ cẩm và trình diễn trang phục Tây Nguyên; Diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc; Liên hoan độc tấu và hòa tấu nhạc cụ dân tộc; Tuần phim Việt Nam và Triển lãm ảnh toàn quốc tại Đà Lạt; Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc Tây Nguyên; Festival Công chiêng quốc tế lần thứ hai; Liên hoan tượng gỗ Tây Nguyên; Hội chợ triển lãm văn hóa - du lịch Tây Nguyên; các hoạt động thể thao (giải việt dã Báo Tiền Phong, giải vô địch cờ vua hạng nhất quốc gia, giải eSport toàn quốc, Festival thể dục cổ động, giải golf chào mừng 120 năm Đà Lạt, giải đua thuyền Krông Ana, lễ hội đua voi Buôn Đôn...). Ngoài ra, trong khuôn khổ Năm Du lịch Quốc gia 2014, các tỉnh Tây Nguyên cũng xây dựng và tổ chức nhiều chuyên du lịch đặc sắc phục vụ du khách như các chuyên: Đại ngàn xanh, Thiên đường tình yêu, Đà Lạt không ở phố (Thành phố Đà Lạt); homestay Đến với voi Buôn Đôn, dã ngoại Hồ Lắk hoang sơ và kỳ vĩ

Qua những khái quát về hoạt động văn hóa thể thao và du lịch trên đây (tất nhiên chưa đầy đủ) có thể nhận diện thực trạng tác động của những hoạt động này tới lối sống các dân tộc thiểu số ở miền núi như thế nào? Những vấn đề cấp bách đang đặt ra trong hoạt động văn hóa các dân tộc thiểu số ở khu vực này? Chúng ta có thể luận giải sự biến đổi một số khía cạnh của văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong xã hội đương đại?

Trong văn hóa truyền thống, tín ngưỡng đa thần của đồng bào dân tộc thiểu số luôn gắn liền với các nghi lễ nông nghiệp. Từ đó, hình thành một hệ thống lễ hội: từ lễ cúng Thần đất, Thần núi, Thần bến nước... đến cầu mùa, mừng lúa mới, bỏ mả... Hiện nay, trong điều kiện môi trường tự nhiên bị phá vỡ kéo theo tập quán mưu sinh thay đổi cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các tôn giáo, lễ hội truyền thống, chỉ còn lại lễ cầu mùa và lễ bỏ mả là được bảo lưu. Thay vào đó là các lễ hội mới do các cấp tổ chức hàng năm. Ở đó, vẫn có nghi lễ cầu Thần, hiến tế, diễn tấu công chiêng và giao lưu văn nghệ nhưng ý nghĩa và giá trị tinh thần đã được chuyển dịch.

Điều hành xã hội bằng luật tục và thiết chế cổ truyền là một biểu hiện độc đáo của

xã hội các dân tộc thiểu số. Khi chưa có luật pháp, công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội chính là luật tục (tập quán pháp). Đó là một hệ thống văn bản truyền miệng bằng văn vần chế định tất cả mọi phương diện của đời sống xã hội và được cả cộng đồng triệt để tuân thủ. Hiện nay, nhiều nội dung của luật tục mang tính hủ tục và có độ vênh, thậm chí trái với luật pháp nhưng vẫn có nhiều nội dung tích cực cần được khai thác (Lâm Bá Nam, 2010a).

Nghệ thuật diễn xướng và nhạc cụ cổ truyền của các dân tộc đang có nhiều biến đổi. Nghệ thuật diễn tấu công chiêng cổ truyền được tiến hành rất nghiêm ngặt từ các bản tấu, nghệ nhân, không gian, hoàn cảnh đến chức năng cơ bản là tế lễ. Sau khi UNESCO công nhận không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên là di sản phi vật thể đại diện của nhân loại thì công chiêng đã có những thay đổi theo chiều hướng tích cực nhưng những giá trị truyền thống đã bị mai một nhiều, đặc biệt là mất đi không gian thiêng vốn dĩ của nó. Những đêm hát kể sử thi, những nhạc cụ dân tộc và các hình thức dân ca, dân vũ vẫn được duy trì nhưng thiếu linh hồn vì tâm lý, ý thức cộng đồng và không gian diễn xướng thay đổi. Giáo sư Tô Ngọc Thanh - nhà nghiên cứu văn hóa dân gian, nhà nghiên cứu nhạc học dân tộc nổi tiếng tại diễn đàn Giao lưu văn hóa lưu vực sông Hồng đã nêu một trường hợp cụ thể rất đáng lưu ý:

“Tôi đi theo một tốp khách du lịch châu Âu để đến một buôn của đồng bào dân tộc Tây Nguyên mà theo lời giới thiệu của anh cán bộ văn hóa huyện là nơi bảo tồn và

(Đắk Lắk); khám phá cao nguyên M'Nông, khám phá những thác nước hùng vĩ (Đắk Nông); Một thoáng Pleiku, du ngoạn sông nước hồ Ayun Hạ, du lịch về nguồn thăm di tích Tây Sơn Thượng Đạo và quê hương Anh hùng Núp (Gia Lai); Về với đại ngàn thông xanh Kon Plông và chuyến du lịch văn hóa Cột mốc quốc gia chung ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia (Kon Tum)... cùng nhiều chuyến du lịch dã ngoại, tìm hiểu đời sống và văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên (dẫn theo www.vietnamtourism.gov.vn/).

phát huy rất tốt Không gian văn hóa công chiêng. Đúng là một buổi trình diễn toàn các bài công chiêng. Tuy nhiên, tất cả các bài công chiêng đem ra trình diễn đã được *cải biên, cải tiến* (nhấn mạnh theo nguyên bản - LBN) theo hướng châu Âu hóa. Cụ thể là:

+ Hàng âm thanh độc đáo của các chiêng cổ truyền được gò lại để chuyển theo cung bậc âm thanh bình quân của châu Âu cổ điển. Vì vậy, dàn công chiêng không còn có thể trình diễn các bài nhạc chiêng dân tộc, mà nếu có nghe thì lơ lớ. Cho nên, tuy lô gô của nhóm là Nhóm công chiêng Tây Nguyên nhưng toàn chơi các bài nhạc mới. Các bài công chiêng thì lại bao gồm toàn những bài do anh trưởng nhóm sáng tác theo hàng âm thanh châu Âu và áp dụng đủ cả các thủ pháp âm nhạc châu Âu. Hỏi ra mới biết anh “nhạc sĩ” trưởng nhóm vừa tốt nghiệp trung cấp âm nhạc ở Nhạc viện. Hỏi anh vì sao anh lại châu Âu hóa mọi thứ như vậy, anh bảo “*Thì phải làm như thế cho gần gũi và giống với âm nhạc của Tây thì mới thu hút được khách Tây chứ*” (nhấn mạnh theo nguyên bản - LBN).

+ Chưa hết, anh trưởng nhóm còn cho anh em mặc bên trong một cái tất liền quần của phụ nữ khi họ mặc váy, rồi mới đóng khố ra ngoài. Anh giải thích mặc thêm như vậy để chống lại sự “*hở hang mang tính chất nguyên thủy của cái khố theo chỉ thị của địa phương*” (Tô Ngọc Thanh, 2012, tr. 804-808).

Câu chuyện dài dòng được dẫn ra trên đây liên quan tới nhận thức về văn hóa trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa; văn hóa và phát triển bền vững mà chúng tôi đã có dịp đề cập (Lâm Bá Nam, 2010b, tr. 2-9). Thêm nữa, điều này còn gắn với hoạt động du lịch sẽ được đề cập trong phần tiếp theo của bài viết này.

Kiến trúc dân gian đặc sắc của đồng bào Tây Nguyên chính là nhà rông, nhà dài và nhà mồ. Tuy nhiên, hiện nay những loại hình kiến trúc đó đang mất dần và thay vào đó là những thiết chế văn hóa hiện đại, mà nhà văn hóa cộng đồng là một thí dụ. Điều đáng quan tâm là những thiết chế văn hóa đó lại xa rời truyền thống văn hóa của từng tộc người từ vị trí, kiến trúc, trang trí đến công năng. Khi nói đến Tây Nguyên, chúng ta không thể không nhắc đến nhà rông như là biểu tượng của Tây Nguyên hùng vĩ. Năm 2005, với tư cách là chuyên gia tư vấn cho dự án “Đa dạng hóa nông nghiệp miền Trung và Tây Nguyên” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chúng tôi cũng đã đề xuất về vấn đề này. Theo đó, chủ trương của dự án là xây dựng cho mỗi buôn một nhà rông với tư cách là nhà văn hóa theo kiểu chìa khóa trao tay. Chúng tôi đã đề nghị thay đổi cách làm bằng cách dự án chỉ hỗ trợ kinh phí để người dân tự làm, bởi lẽ nhà rông không chỉ là công trình kiến trúc công cộng thông thường mà đó là nhà cộng đồng với sự chứng giám của thần linh, nó thuộc về cộng đồng². Điều này đã được sự ủng hộ rộng rãi của người dân trong việc bảo tồn văn hóa.

Liên quan đến vấn đề này còn phải kể đến việc xây dựng *Làng văn hóa các dân tộc*

² Nhà rông theo quan niệm dân gian là nhà đàn ông. Những chàng trai từ 12, 13 tuổi đêm đêm ra ngủ nhà rông. Họ được những người cao tuổi kể *khan* - một loại sử thi, trao truyền luật tục và nghĩa vụ của các thành viên khi trưởng thành, đồng thời cũng là lực lượng để bảo vệ buôn làng khi có bất trắc xảy ra. Nhà rông cũng là nơi diễn ra các ngày hội, các lễ nghi tôn giáo quan trọng của cộng đồng, là nơi tiếp khách, hội họp. Cũng cần phải nói thêm rằng, việc đưa các chất liệu mới như bê tông hóa, mái tôn hóa trong xây dựng nhà rông cũng cần được xem xét cẩn trọng khi bảo tồn không gian văn hóa. Nhà rông là công trình công cộng có tính thiêng của buôn làng, nó chỉ thật sự trở thành của buôn làng khi có sự chứng giám của các yàng và chỉ khi đó mới có giá trị sử dụng.

ở Việt Nam. Đây là công trình hoành tráng, rất công phu nhưng xét trên bình diện loại hình học thì đây là một dạng bảo tàng, không phải làng văn hóa. Nói đúng hơn là một dạng *bảo tàng ngoài trời* khổng lồ. Làng văn hóa là một thực thể sống động mà trong đó luôn luôn tồn tại hoạt động của con người theo các yếu tố đặc trưng về phong tục, lễ nghi và nếp sống tộc người³.

Có thể nói thêm, nghề thủ công truyền thống của đồng bào chủ yếu là dệt thổ cẩm, đan lát, rèn, đúc nhẵn bạc... Sản phẩm của các nghề này chứa một hàm lượng văn hóa tộc người rất cao nhưng hiện nay đang tồn tại lay lắt; thậm chí, có một số nghề đã mất hẳn⁴. Một vấn đề hết sức quan trọng khác, tiếng nói là biểu hiện sinh động và mạnh mẽ nhất của bản sắc văn hóa tộc người, nhưng hiện nay ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, hiện tượng quên dần tiếng mẹ đẻ đang diễn ra khá phổ biến. Điều này càng làm cho con người dần mất đi tâm hồn và tính cách, xa rời những giá trị cơ bản của văn hóa tộc người.

Trong các hoạt động văn hóa du lịch, vấn đề khai thác di sản và bảo tồn văn hóa

cần phải được nhận diện trên cả bình diện nhận thức và thực tiễn.

Phát triển bền vững du lịch là phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường, hài hòa lợi ích giữa các đối tác tham gia du lịch và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển du lịch bền vững mang lại lợi ích cho các thế hệ hôm nay nhưng không được làm tổn hại lợi ích của các thế hệ tương lai. Phạm vi phát triển du lịch bền vững liên quan đến vấn đề môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội (Trần Hữu Sơn, 2012, tr. 784-788). Chính vì vậy, phát triển du lịch không thể không tính đến yếu tố văn hóa và phát triển bền vững. Quan điểm biến di sản thành tài sản là một nhận thức đúng nhưng vấn đề đặt ra trong phát triển là gì?

Bên cạnh những thành tựu rất đáng ghi nhận, hoạt động du lịch trong những năm qua đã tác động không nhỏ đến văn hóa truyền thống của các tộc người. Việc khai thác một cách quá đà các hoạt động văn hóa cổ truyền không phù hợp, nhiều sinh hoạt văn hóa bản địa đã bị thay thế bằng các hoạt động văn hóa hiện đại như đã nêu trên đây, đã làm phai nhạt các giá trị văn hóa truyền thống. Trong quá trình tham gia hoạt động du lịch, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số từng bước làm quen với nếp sống của các dân tộc khác; hệ quả là họ đã từ bỏ các giá trị văn hóa của dân tộc mình. Điều này dễ dàng nhận thấy qua các điểm du lịch nổi tiếng như Sa Pa (với cộng đồng Hmông và Dao); Mai Châu (với cộng đồng Thái và Mường); Buôn Đôn (với cộng đồng Ê-đê). Nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập đến du lịch Buôn Đôn với những thành tựu rất đáng ghi nhận nhưng khách quan mà nói, cũng có không ít bất cập, liên quan đến sản phẩm du lịch và

³ Năm 2002, tôi đã xem Bảo tàng làng (Mussés de Village) tại Tanzania, trong đó người ta dựng lại các ngôi nhà cổ truyền của dân du mục. Làng văn hóa các dân tộc ở Đồng Mô thực chất là Bảo tàng làng, không phải là làng văn hóa. Cần xem xét mô hình Làng Văn hóa các dân tộc Văn Nam ở Côn Minh. Thêm nữa, nhiều nghi lễ có tính thiêng phải được đặt trong các không gian thiêng gắn liền với hoạt động của cộng đồng, không thể tự tiện trình diễn như một hình thức văn nghệ quần chúng.

⁴ Một số địa phương đã chú trọng khôi phục và phát triển các ngành nghề phục vụ phát triển du lịch. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải bảo tồn bản sắc văn hóa, không thể chỉ chạy theo thị hiếu thị trường. Giáo sư Tô Ngọc Thanh đã bàn rất hay về quan niệm: *Tôi bán cái khách cần mua, chứ không phải bán cái tôi có sẵn*, liên quan đến những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc (xem: Tô Ngọc Thanh, 2012).

khai thác cạn kiệt sức lực và nguồn voi. Vấn đề đặt ra ở đây là quan niệm về sản phẩm hàng hóa phục vụ du lịch và phát triển bền vững trong du lịch?

Chúng tôi đã có dịp bàn về các sản phẩm thủ công và vai trò của hàng hóa (Lâm Bá Nam, 1999 và 2012b). Giá trị của các mặt hàng thủ công chính là *giá trị văn hóa của sản phẩm*. Cái người ta cần, như quan điểm mà chúng tôi đã nêu, chính là sản phẩm hàng hóa thủ công mà trong đó hàm chứa các giá trị văn hóa mang đặc trưng dân tộc chứ không phải “hàng nhái” thủ công như các sản phẩm dệt thường thấy tại các điểm du lịch.

Phát triển du lịch bền vững là yêu cầu lớn đối với hoạt động này. Buôn Đôn nổi tiếng là một ví dụ. Đã có không ít các phương tiện thông tin đại chúng đề cập đến việc khai thác voi trong hoạt động du lịch. Đối với nhiều tộc người bản địa ở miền núi phía Nam, việc thuần dưỡng voi và nuôi voi đã trở thành tập quán lâu đời. Con voi trở thành vật nuôi quý giá và được coi như một thành viên trong gia đình.

Với đồng bào Mnông, con voi không chỉ là tài sản to lớn của gia đình, cộng đồng mà còn là biểu trưng của sự may mắn, thịnh vượng của buôn làng. Đồng bào còn xem con voi là hiện thân của “thần voi” (*Nguăch ngual*) - vị thần mạnh mẽ, có uy tín che chở và mang lại sự bình yên cho bon làng.

Đồng bào Mnông quan niệm rằng, nhà nào có voi thì được xem là gia đình giàu có, thịnh vượng và bon làng nào có nhiều nhà nuôi voi thì được xem là bon làng mạnh nhất trong vùng. Vì được xem là tài sản lớn của gia đình, cộng đồng nên voi phải được chăm

sóc chu đáo, cẩn thận để không bị ốm, chết. Nếu có một rủi ro nào đó xảy ra với voi, thần sẽ trừng phạt cả bon làng. Những người nuôi voi cũng như những người thuần dưỡng voi phải thực hiện những kiêng kỵ theo tục lệ quy định như: không ăn thịt voi, không dùng những đồ làm bằng da voi (thắt lưng, giày dép bằng da), không ăn muối tro, không vào nhà có người mới sinh hoặc người chết chưa được một năm... Nếu không tuân thủ những quy định trên, voi sẽ ốm đau, phá phách, điên loạn và nếu không cúng, chữa kịp thời thì nó sẽ chết hoặc phản lại chủ. Hoặc nếu lỡ ăn thức ăn có chứa muối tro thì phải lấy lá *keh*, lá *khuar* (hai loại lá ở trong rừng) trộn với nước gạo làm lễ cúng thần rồi xoa các thứ ấy lên đầu voi.

Do voi là “con trâu” của thần nên từ khi voi còn nhỏ hoặc đưa từ rừng về thuần dưỡng đều có một hệ thống lễ nghi xung quanh nó. Thậm chí, khi con voi đã lớn, ngà đã dài, muốn cắt ngà voi, chủ voi hoặc người có uy tín trong làng phải đứng ra làm lễ cúng thần. Lễ vật cúng gồm một ché rượu, một con gà, rồi khăn và xin phép thần, sau đó mới được phép cắt. Lông đuôi voi không chỉ mang lại sự may mắn mà còn tượng trưng cho sự chung thủy. Do đó, ai nhỏ trộm lông đuôi voi, người đó phải đền 1 con heo, 3 ché rượu lớn và tiền tùy theo mức chủ voi đưa ra, còn sợi lông voi bị trộm sẽ bị đốt trong lễ cúng tạ lỗi với thần. Mặt khác, cũng còn không ít những quy định chặt chẽ, khắt khe và một hệ thống tục lệ liên quan đến voi như: cúng thần khi đi săn bắt voi rừng; cúng sức khỏe cho voi; cúng thần khi bắn chết voi rừng; cúng xóa khi voi chữa, voi đẻ; cúng cắt ngà voi; cúng thần khi gây thương tích cho voi; mai táng khi voi chết... Khi voi chết, cả bon làng không được

đánh công chiêng, không được uống rượu, hát dân ca. Cộng đồng phải ngưng việc lên nương rẫy và tiến hành mai táng voi như một người con của buôn làng về với đất mẹ. Để thể hiện lòng thương tiếc ấy, đồng bào Mông xưa đã có những câu hát vần như sau: “*Con gà chết phải chôn/ Con heo chết phải chôn/ Con chó chết phải chôn/ Con bò chết phải chôn/ Con trâu chết phải chôn/ Con voi chết phải làm chuồng/ Anh hùng chết phải tạc tượng...*” (Mỹ Hằng, 2011).

Trên thực tế, việc khai thác voi đến cạn kiệt trong phục vụ du lịch đang là vấn đề thời sự. Vào mùa du lịch, một ngày những con voi quý ở Buôn Đôn phải làm việc từ 8 đến 10 giờ đồng hồ. Cứ mỗi giờ khách du lịch cưỡi voi, quản lý voi thu 400.000 đồng, sau mỗi tua làm việc cật lực, phần thưởng cho những con voi quý này chỉ là 1 - 2 cây mía. Như vậy, một ngày làm việc, một con voi có thể mang về khoản lợi nhuận từ 2 đến 4 triệu đồng. Trung bình mỗi năm nơi đây đón từ 15.000 đến 20.000 khách du lịch (trong đó, đa phần là du lịch cưỡi voi) thì sẽ như thế nào? Đây là chưa nói đến việc chăm sóc nuôi dưỡng voi không còn được duy trì như tập quán tốt đẹp vốn có, nói như cách nói của người Tây Nguyên là “Phải xem voi như một thành viên trong cộng đồng” (Công Thương, 2011). Rõ ràng, voi bị sử dụng, khai thác đã vượt ra khỏi sự kiểm soát, quản lý của cơ quan có trách nhiệm cũng như tình cảm, nhận thức của chính chủ nhân nó.

Việc khai thác kho tàng nghệ thuật dân gian vốn khá phong phú và đa dạng ở nhiều dân tộc là một hướng đi đúng. Tuy vậy, cần phải trả vốn văn nghệ dân gian cho người dân. Xu hướng sân khấu hóa và hiện đại hóa đang là vấn đề bất cập trong khai

thác các hoạt động du lịch. Điều này cũng dễ dàng nhận thấy qua các hoạt động du lịch cộng đồng⁵.

2. Đổi mới hoạt động văn hóa thể thao và du lịch đối với vùng đồng bào các dân tộc thiểu số

2.1. Văn hóa và phát triển: Bảo tồn theo quan điểm nào?

Văn hóa là sản phẩm của xã hội loài người và luôn tồn tại sống động trong đời sống dân tộc. Nhiều nhà nghiên cứu coi văn hóa là bộ “*gien xã hội*” của mọi dân tộc (Nguyễn Hồng Phong, 2005), nhưng văn hóa không phải là bất biến mà luôn vận động trong đời sống con người. Văn hóa có tính bền vững cao nhưng cũng biến đổi không ngừng. Trong đời sống của mọi dân tộc, sự giao thoa hay tiếp biến văn hóa là tất yếu⁶.

Sự biến đổi văn hóa xuất phát từ nhiều yếu tố nhưng nguyên nhân cơ bản nhất vẫn là quy luật phát triển của lịch sử - văn hóa; sự thay đổi của môi trường tự nhiên, xã hội; vấn đề bản lĩnh văn hóa trong việc xử lý các

⁵ Hiện tượng sân khấu hóa đang phổ biến nhiều nơi trong hoạt động du lịch cùng với việc cải biên các loại hình nghệ thuật cần phải được chấn chỉnh trước yêu cầu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Việc cải biên này chính là hành động phá hoại di sản và sự diệt vong di sản đang được báo trước.

⁶ Tiếp biến văn hóa diễn ra từ rất sớm trong lịch sử loài người. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra sự giao thoa từ trong thời cổ đại giữa người Việt và các dân tộc thiểu số; giữa Việt Nam và các quốc gia láng giềng. Sự giao thoa ngày càng diễn ra mạnh mẽ trong thời hiện đại, đặc biệt với quá trình toàn cầu hóa. GS. Phạm Hồng Quý, Đại học Dân tộc Quảng Tây đã đề cập về *Văn hóa truyền thống với toàn cầu hóa* tại Trung Quốc. Theo ông, một số văn hóa truyền thống, chủ yếu là văn hóa vật thể, khó bảo tồn nhưng một số thành tố văn hóa phi vật thể liên quan đến tinh thần và tín ngưỡng có thể bảo tồn lâu dài (xem Kỹ yếu *Hội thảo quốc tế bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ phát triển bền vững*, 2010, tr. 27-29).

yếu tố ngoại lai và trách nhiệm của các cơ quan quản lý bởi cách làm hời hợt và áp đặt. Sự biến đổi cũng dẫn đến ba nguy cơ sau: làm biến mất bản sắc văn hóa tộc người của một vùng văn hóa độc đáo; con người các dân tộc thiểu số sẽ mất điểm tựa văn hóa; từ đó, dẫn đến xa rời cộng đồng, mất phương hướng tự điều chỉnh và tự giáo dục; phá vỡ tính ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

Đã đến lúc các cơ quan chức năng, trực tiếp là những người làm công tác văn hóa, cần xác định lại cách tiếp cận về vấn đề này. Cụ thể, bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số là bảo đảm để phát triển bền vững xã hội, cần bảo tồn có chọn lọc, trọng tâm, trọng điểm. Bảo tồn phải gắn liền với khai thác, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống để phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, tức là bảo tồn động, bảo tồn trong sự phát triển. Cũng cần nhấn mạnh rằng, các cơ quan nhà nước chỉ nên đóng vai trò định hướng, quản lý và huy động các nguồn lực phục vụ cho việc nghiên cứu và phục dựng các giá trị cổ truyền. Bởi lẽ, chính người dân - tác giả của những giá trị văn hóa đó - là những người có khả năng nuôi dưỡng và phát huy tốt nhất các giá trị văn hóa truyền thống ấy.

2.2. Môi trường văn hóa và chủ thể văn hóa

Môi trường văn hóa hiểu theo nghĩa chung nhất là môi trường sản sinh, trao truyền, nuôi dưỡng di sản văn hóa. Do đó, môi trường văn hóa không thể thoát ly khỏi môi trường sinh kế, xã hội. Trong những năm qua, cùng với quá trình đổi mới, bên cạnh những chuyển biến tích cực, cũng có

không ít vấn đề đặt ra đối với môi trường nói chung và môi trường văn hóa nói riêng, đặc biệt ở khu vực Tây Nguyên và các tỉnh miền núi phía Nam. Điển hình là môi trường rừng. Thật khó hình dung nếu Tây Nguyên mất rừng và mọc lên một đô thị hiện đại theo kiểu Côn Minh (Trung Quốc). Sự phát triển và hiện đại hóa không phải bao giờ cũng đồng nghĩa với phát triển bền vững (Lâm Bá Nam, 2010c). Như đã đề cập ở trên, khi bàn về bảo tồn văn hóa, không thể không chú trọng đến không gian văn hóa; sự tách bạch văn hóa vật thể và phi vật thể chỉ thuận lợi cho việc phân loại chứ không hoàn toàn chính xác khi nhận diện di sản văn hóa mà không gian văn hóa công cộng Tây Nguyên là một ví dụ. Câu chuyện này giúp ta liên tưởng đến không gian văn hóa của người da đỏ ở Mỹ. Sẽ không thể bảo tồn một cách sống động không gian văn hóa công cộng nếu môi trường bị hủy hoại, văn hóa cộng đồng bị phá vỡ. Cũng như vậy, hàng loạt hệ thống nghi lễ và lễ hội dân gian cũng không thể tồn tại khi môi trường sản sinh và nuôi dưỡng nó bị mất đi khỏi đời sống tộc người.

Việc bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số cho dù tự phát hay có tổ chức, nhân tố quan trọng nhất vẫn là chủ thể văn hóa, tức là đồng bào các dân tộc, trong đó nòng cốt phải là các già làng, các nghệ nhân và trí thức dân tộc. Chỉ có họ mới đủ khả năng nhận diện bản sắc văn hóa, có ý thức, tâm hồn và niềm tự hào dân tộc; từ đó, hình thành động lực và sức mạnh nội tại để bảo tồn và phát triển văn hóa. Bài học về phục dựng lễ hội với sự đầu tư của Nhà nước trong nhiều năm qua cho ta thấy, nếu không có sự tự nhận thức và tự nguyện gắn liền với

nhu cầu của người dân thì lễ hội không thể tiếp tục tồn tại những năm tiếp theo nếu không có kinh phí đầu tư của Nhà nước.

2.3. Vấn đề quy hoạch

Trước hết là quy hoạch chiến lược phát triển văn hóa gắn liền với phát triển du lịch và đặt nó trong tổng thể chiến lược phát triển địa phương và quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề của riêng một địa phương mà là vấn đề của quốc gia đối với chiến lược phát triển này. Văn hóa là nền tảng cốt lõi của du lịch nhưng không chỉ có thế. Các địa phương và ngành du lịch đã bước đầu thống kê và lập bản đồ di tích văn hóa, lễ hội để phục vụ phát triển du lịch theo tôi là rất quan trọng.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là tiềm năng du lịch miền núi là rất to lớn từ cảnh quan thiên nhiên đến văn hóa dân tộc. *Bài học rút ra ở đây là không thể đánh đổi một không gian văn hóa giàu bản sắc và thay nó bằng một đô thị năng động và hiện đại bằng mọi giá.* Vì thế, tư duy phát triển cần phải được quán triệt khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền núi. Điều này càng cần phải được tính đến khi Không gian văn hóa công cộng được công nhận là di sản phi vật thể đại diện của nhân loại cũng như Cao nguyên đá Đồng Văn vừa qua. Vì vậy, vấn đề có ý nghĩa then chốt là *đầu tư quy hoạch* theo vùng và các tiểu vùng như đã đề cập ở mục 1. Trong quy hoạch đòi hỏi tư duy chiến lược phát triển, đặc biệt là vùng cao nguyên đảm bảo kết hợp phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Thêm nữa, trong đầu tư quy hoạch, cần tính đến các yếu tố tiểu vùng kết hợp tiếp cận địa - văn hóa.

2.4. Văn hóa trong du lịch

Vấn đề có tầm quan trọng không kém là vấn đề văn hóa trong du lịch. Đây là vấn đề lớn liên quan đến đánh giá vai trò văn hóa trong phát triển với tư cách là nền tảng; mối quan hệ bảo tồn và phát triển văn hóa, hay nói cách khác là mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại. Chủ đề mà tôi nêu ra trên đây đã được xác định trong các cương lĩnh và nghị quyết của Đảng và chủ trương chính sách của Nhà nước. Định hướng thì đã rõ nhưng hiện thực hóa trong cuộc sống như thế nào? Về cơ bản, theo tôi, tính định hướng vẫn nặng, lấn át tính hiệu quả. Khi nói đến du lịch, tôi xin nhắc lại, không nên tách bạch rõ ràng các yếu tố di tích, danh thắng, di sản, văn hóa mà cần phải đặt nó trong cái nhìn tổng thể. Đối với vùng miền núi, như đã đề cập ở trên, là *một không gian văn hóa du lịch* được hòa trộn các thành tố đã nêu trên đây và do đó cái còn lại cần phải tính đó là văn hóa dân tộc. Trong tương lai, chúng ta cần một Buôn Đôn với diện mạo như thế nào? Nếu thiếu đi những ngôi nhà truyền thống và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ đặc trưng cho các cư dân bản địa Tây Nguyên, Buôn Đôn có còn là điểm hẹn của bạn bè trong nước và quốc tế? Đó là văn hóa, điểm hẹn của tình yêu con người. Tuy nhiên, văn hóa không phải là bất biến. Văn hóa luôn vận động và phát triển nhưng cái còn lại là bản sắc và cốt cách, cái làm nên diện mạo tộc người. Vấn đề là cách nhìn và ứng xử với nó như thế nào.

Để làm được điều này, cần có *đầu tư nghiên cứu văn hóa dân tộc*. Cần phải nói rằng, cùng với tính đa dạng văn hóa, ở miền núi còn có các vùng văn hóa, ví dụ vùng Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, Bắc Tây

Nguyên, Nam Tây Nguyên, Việt Bắc, Đông Bắc, trong đó có nhiều tiểu vùng... Văn hóa tộc người tiếp cận ở đây là văn hóa tổng thể, không chỉ bó hẹp ở văn hóa nghệ thuật như quan niệm phổ biến hiện nay. Đây là đầu tư không nhìn thấy nguồn lợi trước mắt nhưng lại là cơ sở cho việc định hướng quy hoạch và đầu tư chiến lược; do đó, cần nhanh chóng nghiên cứu tổng thể ít nhất là trong 5 năm tới.

2.5. Vấn đề đầu tư phát triển

Nếu xác định du lịch là mũi nhọn, ngoài việc quảng bá du lịch, theo tôi, vấn đề đầu tư trọng điểm đóng vai trò quan trọng hàng đầu.

Đối với cơ sở hạ tầng như giao thông, cải tạo buôn bán, vấn đề an sinh như nước sạch..., chúng ta đã có không ít chương trình mục tiêu được triển khai nhưng nếu chúng ta chỉ xác định như là các chương trình mang tính phúc lợi xã hội là chưa đủ mà phải xác định đầu tư phát triển. Xin nói ngay rằng, đầu tư cơ sở hạ tầng là rất quan trọng và không thể thiếu nhưng đầu tư văn hóa dân tộc có vai trò không kém và hơn nữa, chính nó sẽ góp phần quan trọng trong việc khai thác và nâng cao hiệu quả của đầu tư cơ sở hạ tầng. Đầu tư văn hóa ở đây chính là đầu tư con người. Đây là đầu tư chiến lược, có kế hoạch. Đối với vùng miền núi, theo tôi, bạn bè đến đây là để được đắm chìm trong cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và hòa mình vào cuộc sống của cư dân giàu truyền thống và bản sắc. Cái hấp dẫn của du lịch ở đây chính là tính mở, sống động của văn hóa, cái mà chúng ta hay nói là “bản sắc”.

Tuy nhiên, làm thế nào để giữ gìn bản sắc mà cuộc sống vẫn phát triển là điều

không dễ dàng. Đó là trách nhiệm của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý. *Không nên quên rằng, chủ nhân văn hóa mới chính là người đóng vị trí quan trọng hàng đầu trong việc bảo tồn, làm giàu, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.* Chủ trương xã hội hóa có thể được vận dụng như thế nào thông qua cơ chế chính sách quản lý là việc cần phải tính đến. Không nên coi hoạt động du lịch chỉ là của những người làm công tác du lịch mà phải coi người dân là chủ thể của hoạt động du lịch và do đó, họ cũng cần được hướng dẫn, đào tạo. Rõ ràng, cần phải có đầu tư thỏa đáng đối với hoạt động của văn hóa cộng đồng mà chúng ta thường lãng quên. *Cũng cần lưu ý rằng, ở nhiều vùng miền núi, các hoạt động du lịch được tiến hành có vai trò rất lớn của người Kinh, không thể không chú ý đến khía cạnh văn hóa.*

Đối với các dân tộc thiểu số, tiềm năng các sản phẩm du lịch mang tính văn hóa, hay nói cụ thể là hàng hóa văn hóa, cần được chú trọng đặc biệt, không nên chỉ nhìn nhận thuần túy từ góc độ kinh tế thương mại. Y học dân gian vốn là thế mạnh của các cư dân thiểu số. Riêng về vấn đề này cũng cần có quy hoạch liên quan đến thế mạnh của từng tộc người và từng tiểu vùng, tránh phát triển tự phát như chúng ta đang có.

2.6. Thu hút du lịch

Khi nói đến du lịch, không thể không nói đến giao thoa văn hóa. Vùng miền núi Việt Nam còn có dải biên giới với các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia. Biên giới thông thường chứa đựng thế “lưỡng” (quần sự, chính trị và giao thoa văn hóa); do đó, khi phát triển du lịch, cần phải tính đến thế

“lường” này, trong đó sự giao thoa văn hóa luôn là hằng số. Ở đây, cần tính đến các yếu tố địa lý, quan hệ tộc người và quốc gia (Lâm Bá Nam, 2010d). Thu hút du lịch từ bên kia biên giới là một thế mạnh cần khai thác triệt để. Để làm được điều đó, đương nhiên cần quảng bá rộng rãi. Tất nhiên, giao thoa văn hóa không chỉ đóng khung trong một địa bàn cụ thể. Việc liên kết các hoạt động du lịch mang tính khu vực đã triển khai trong những năm gần đây, theo tôi, là hướng đi đúng đắn và cần được tăng cường hơn nữa.

Kết luận

Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển kinh tế - xã hội mà còn là sức mạnh nội sinh của cộng đồng quốc gia dân tộc. Văn hóa được tạo dựng trải qua trường kỳ lịch sử bởi nhiều thế hệ. Di sản văn hóa là thành quả lao động sáng tạo, đấu tranh và xây dựng của các tộc người và do đó, việc bảo tồn, khai thác, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa là trách nhiệm của các thế hệ hôm nay trước tương lai phát triển của đất nước. Chính vì vậy, không thể đánh đổi văn hóa để phát triển bằng mọi giá.

Trên thực tế, văn hóa luôn vận động và phát triển trong đời sống tộc người. Việc khai thác di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch là yêu cầu cấp thiết, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn liên quan trực tiếp tới sự phát triển của văn hóa dân tộc bởi yêu cầu phát triển nội tại và giao thoa văn hóa. Để làm được điều đó, cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và biến đổi trong sự giao thoa văn hóa mà không làm nhạt nhòa bản sắc, để hồn dân tộc như là một hằng số trường tồn trong văn hóa.

Từ góc độ văn hóa du lịch và phát triển, những ý kiến của chúng tôi trên đây chỉ là những nhận thức mang tính chủ quan. Chúng tôi hy vọng, với sự chung tay của các cơ quan hữu quan và các nhà khoa học, các nhà đầu tư, những trăn trối văn hóa của các dân tộc thiểu số nhanh chóng được đánh thức, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

Tài liệu tham khảo

1. Mỹ Hằng (2011), *Con voi trong đời sống tinh thần của đồng bào M'ông*, Báo điện tử Đắk Nông, ngày 30/12/2011.
2. Lâm Bá Nam (1999), *Nghề dệt cổ truyền ở Đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lâm Bá Nam (2010a), “Luật tục các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên: Nhận diện di sản lịch sử”, *Tạp chí Dân tộc*, Ủy ban Dân tộc, Số 10, tr. 20.
4. Lâm Bá Nam (2010b), “Khai thác tri thức địa phương các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển bền vững - Tiếp cận Nhân học”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ phát triển bền vững*, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 2-9.
5. Lâm Bá Nam (2010c), “Di sản văn hóa và sự phát triển du lịch Hà Giang”, Báo cáo tại *Diễn đàn Vì Hà Giang phát triển* (Đại học Quốc gia Hà Nội, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang), Hà Nội.
6. Lâm Bá Nam (2010d), “Giao lưu văn hóa ở vùng biên giới Việt - Trung (tiếp cận lịch sử và đa tuyến)”, *Hội thảo Quốc tế diễn đàn lưu vực sông Hồng lần thứ III*, Học viện Hồng Hà (Vân Nam, Trung Quốc), tháng 12/2010.

7. Lâm Bá Nam (2012a), “Nghề thủ công cổ truyền: Diện mạo và những vấn đề đang đặt ra”, *Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ IV*, Hà Nội.

8. Lâm Bá Nam (2012b), “Văn hóa làng nghề: từ truyền thống đến hiện đại”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 3-9.

9. Nguyễn Hồng Phong (2005), *Một số công trình nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn*, Tập 3: Văn hóa và phát triển, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Trần Hữu Sơn (2012), “Đổi mới mô hình hợp tác phát triển du lịch bền vững lưu vực sông Hồng (Nghiên cứu điểm Lào Cai và Hồng Hà)”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Giao lưu văn hóa các dân tộc và phát triển du lịch bền vững lưu vực sông Hồng*, Lào Cai, tháng 12/2012, tr. 784-788.

11. Tô Ngọc Thanh (2012), “Di sản văn hóa dân gian và du lịch trong phát triển bền vững”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Giao lưu văn hóa các dân tộc và phát triển du lịch bền vững lưu vực sông Hồng*, Lào Cai, tháng 12/2012, tr. 804-808.

12. Công Thương (2011), *Đắk Lắk: Voi bị sử dụng... như xe máy*, Báo Điện tử Đắk Lắk, ngày 28/9/2011.

13. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. www.vietnamtourism.gov.vn/



Người Dao Đỏ bán hàng thổ cẩm tại thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Hà Thu